



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 22418/2025/PKQ (8832.01A2512.504)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : Công ty TNHH Vonfram Masan
Địa chỉ : Xóm Suối Cát, xã An Khánh, tỉnh Thái Nguyên
Loại mẫu : Khí thải
Số lượng mẫu : 1
Thời gian nhận mẫu : 17/12/2025
Thời gian thử nghiệm : 17/12/2025 - 29/12/2025

TT	Thông số	Phương pháp thử	Đơn vị	MTC – Boiler 02 Ống khí thải lò hơi số 2 nhà máy MTC	QCVN 19:2009/ BTNMT
					Cmax*
1	Bụi tổng ^(b)	US EPA 05	mg/Nm ³	38,4	280
2	Nhiệt độ ^(b)	QT-HT.03	°C	123	-
3	Áp suất ^(b)	QT-HT.03	Pa	74,48	-
4	Lưu lượng ^(b)	US EPA 02	m ³ /h	13.692	-
5	Khối lượng mol phân tử khí khô ^(b)	US EPA 03	g/mol	29,67	-
6	Vận tốc ^(b)	US EPA 02	m/s	13,9	-
7	Hàm ẩm ^(b)	US EPA 04	%	3,6	-
8	Cacbon oxit, CO ^(b)	HD-HTKT	mg/Nm ³	4,87	1.400
9	Lưu huỳnh đioxit, SO ₂ ^(b)	HD-HTKT	mg/Nm ³	332,03	700
10	Nitơ oxit, NO _x (tính theo NO ₂) ^(b)	HD-HTKT	mg/Nm ³	149,95	1.190
11	O ₂ ^(b)	QT-HT.03	%	13,85	-

Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- (*): Kp=1, Kv=1,4;
- (b): Thông số được Vimcerts chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;
- (-): không xác định;
- MTC -Boiler 02 Ống khí thải lò hơi số 2 nhà máy MTC: 01A2512.504.

Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2025

PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ
PHÁT TRIỂN

Vũ Văn Tú

QA/QC

Đậu Xuân Tiến

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Nguyễn Quang Ninh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 22417/2025/PKQ (8832.01A2512.503)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : Công ty TNHH Vonfram Masan
Địa chỉ : Xóm Suối Cát, xã An Khánh, tỉnh Thái Nguyên
Loại mẫu : Khí thải
Số lượng mẫu : 1
Thời gian nhận mẫu : 17/12/2025
Thời gian thử nghiệm : 17/12/2025 - 29/12/2025

TT	Thông số	Phương pháp thử	Đơn vị	MTC – Boiler 01 Ống khí thải lò hơi số 1 nhà máy MTC	QCVN 19:2009/ BTNMT
					Cmax*
1	Bụi tổng ^(b)	ISTEE.SOP.HT.NĐ	mg/Nm ³	36,2	280
2	Nhiệt độ ^(b)	ISTEE.SOP.HT.AS	°C	95	-
3	Áp suất ^(b)	QT-HT.03	Pa	78,4	-
4	Lưu lượng ^(b)	US EPA 02	m ³ /h	15.224	-
5	Khối lượng mol phân tử khí khô ^(b)	US EPA 03	g/mol	29,7	-
6	Vận tốc ^(b)	US EPA 02	m/s	14,4	-
7	Hàm ẩm ^(b)	US EPA 04	%	4	-
8	Cacbon oxit, CO ^(b)	HD-HTKT	mg/Nm ³	3,42	1.400
9	Lưu huỳnh đioxit, SO ₂ ^(b)	HD-HTKT	mg/Nm ³	291,68	700
10	Nitơ oxit, NO _x (tính theo NO ₂) ^(b)	HD-HTKT	mg/Nm ³	144,74	1.190
11	O ₂ ^(b)	ISTEE.SOP.HT.O2	%	14,44	-

Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- (*): K_p=1, K_v=1,4;
- (b): Thông số được Vimcerts chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;
- (-): không xác định;
- MTC -Boiler 01 Ống khí thải lò hơi số 1 nhà máy MTC: 01A2512.503.

Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2025

PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ
PHÁT TRIỂN

Vũ Văn Tú

QA/QC

Đậu Xuân Tiên

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Nguyễn Quang Ninh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 22577/2025/PKQ (8831.01A2512.502)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : Công ty TNHH Vonfram Masan
Địa chỉ : Xóm Suối Cát, xã An Khánh, tỉnh Thái Nguyên
Loại mẫu : Khí thải
Số lượng mẫu : 1
Thời gian nhận mẫu : 16/12/2025
Thời gian thử nghiệm : 16/12/2025 - 31/12/2025

TT	Thông số	Phương pháp thử	Đơn vị	MTC -H2S Ống khí thải H2S nhà máy MTC	QCVN 19:2009/ BTNMT
					Cmax*
1	Bụi tổng ^(b)	US EPA 05	mg/Nm ³	3,4	280
2	Nhiệt độ ^(b)	ISTEE.SOP.HT.NĐ	°C	35	-
3	Áp suất ^(b)	ISTEE.SOP.HT.AS	Pa	1,96	-
4	Lưu lượng ^(b)	US EPA 02	m ³ /h	522	-
5	Khối lượng mol phân tử khí khô ^(b)	US EPA 03	g/mol	28,83	-
6	Vận tốc ^(b)	US EPA 02	m/s	2,2	-
7	Hàm ẩm ^(b)	US EPA 04	%	3,5	-
8	Hydro sunphua, H ₂ S ^(b)	Jis K 0108: 2010	mg/Nm ³	<1	10,5
9	Lưu huỳnh đioxit, SO ₂ ^(b)	HD-HTKT	mg/Nm ³	0	700
10	Nitơ oxit, NO _x (tính theo NO ₂) ^(b)	HD-HTKT	mg/Nm ³	0,13	1.190
11	Hơi H ₂ SO ₄ hoặc SO ₃ , tính theo SO ₃ ^(b)	US EPA 08	mg/Nm ³	<1,5	70
12	O ₂ ^(b)	ISTEE.SOP.HT.O2	%	20,76	-

Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- (*): Kp=1, Kv=1,4;
- (b): Thông số được Vimcerts chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;
- (-): Không xác định
- MTC -H2S Ống khí thải H2S nhà máy MTC: 01A2512.502.

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2025

PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ
PHÁT TRIỂN

Vũ Văn Tú

QA/QC

Đậu Xuân Tiến

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Nguyễn Quang Ninh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 22576/2025/PKQ (8831.01A2512.501)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : Công ty TNHH Vonfram Masan
Địa chỉ : Xóm Suối Cát, xã An Khánh, tỉnh Thái Nguyên
Loại mẫu : Khí thải
Số lượng mẫu : 1
Thời gian nhận mẫu : 16/12/2025
Thời gian thử nghiệm : 16/12/2025 - 31/12/2025

TT	Thông số	Phương pháp thử	Đơn vị	MTC -NH ₃ Ống khí thải NH ₃ nhà máy MTC	QCVN 19:2009/ BTNMT
					Cmax*
1	Bụi tổng ^(b)	US EPA 05	mg/Nm ³	5,2	280
2	Nhiệt độ ^(b)	ISTEE.SOP.HT.NĐ	°C	30	-
3	Áp suất ^(b)	ISTEE.SOP.HT.AS	Pa	31,36	-
4	Lưu lượng ^(b)	US EPA 02	m ³ /h	1.738	-
5	Amoniac và các hợp chất amoni (NH ₃) ^(b)	JIS K 0099: 2020	mg/Nm ³	14,2	70
6	Khối lượng mol phân tử khí khô ^(b)	US EPA 03	g/mol	28,84	-
7	Vận tốc ^(b)	US EPA 02	m/s	7,4	-
8	Hàm ẩm ^(b)	US EPA 04	%	6,6	-
9	Lưu huỳnh đioxit, SO ₂ ^(b)	HD-HTKT	mg/Nm ³	0	700
10	Nitơ oxit, NO _x (tính theo NO ₂) ^(b)	HD-HTKT	mg/Nm ³	0,49	1.190
11	Hơi H ₂ SO ₄ hoặc SO ₃ , tính theo SO ₃ ^(b)	US EPA 08	mg/Nm ³	<1,5	70
12	O ₂ ^(b)	ISTEE.SOP.HT.O2	%	20,94	-

Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- (*): Kp=1, Kv=1,4;
- (b): Thông số được Vimcerts chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;
- (-): Không xác định
- KT3: Ống khí thải NH₃ nhà máy MTC: 01A2512.501.

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2025

PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ
PHÁT TRIỂN

Vũ Văn Tú

QA/QC

Đậu Xuân Tiến

KÊ VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Nguyễn Quang Ninh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.